

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2026/DS-ST
Ngày: 24-4-2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Anh Thư.
- Ông Bùi Quốc Lệ.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Dương Minh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh** tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Quỳnh Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp I L, xã L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Quang M, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số A, đường N, ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

(Giấy ủy quyền ngày 18/9/2025).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp F A, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Hoàng Thiện P, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Số E, ấp E, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 12/12/2025).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng C.

Địa chỉ: Số D, đường M, ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L1 – Chức vụ: Trưởng Văn phòng.

(Ông M, ông P, Văn phòng C có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh T do người đại diện theo ủy quyền ông Phan Quang M trình bày:

Do cần tiền để kinh doanh nên bà Bùi Thị Thanh T có thỏa thuận vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 2.100.000.000 đồng, không có tính lãi suất, thời hạn vay là 01 năm. Bà T và bà L có làm Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023 được Văn phòng C công chứng ngày 25/12/2023, số công chứng 6324, quyền số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng vay tiền bà L không có khả năng giao tiền vay cho bà T, bà L đã hứa hẹn khi nào bán đất sẽ giao tiền vay cho bà T nhưng sau đó bà L vẫn không có khả năng giao tiền vay.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023 giữa bà Nguyễn Thị Kim L và bà Bùi Thị Thanh T được Văn phòng C công chứng ngày 25/12/2023, số công chứng 6324, quyền số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L do người đại diện theo ủy quyền ông Võ Hoàng Thiện P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim L có thỏa thuận cho bà Bùi Thị Thanh T vay số tiền 2.100.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 01 năm. Bà L và bà T có làm Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023 được Văn phòng C công chứng ngày 25/12/2023, số công chứng 6324, quyền số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD. Sau khi ký hợp đồng vay tiền bà L đã giao tiền vay cho bà T, tuy nhiên khi giao tiền bà L không có làm giấy tờ thể hiện việc bà L giao tiền cho bà T.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà L không đồng ý vì bà L đã giao tiền vay cho bà T. Trong vụ án này, bà L không có yêu cầu phản tố.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn L1 trình bày:

Ngày 25/12/2023, bà Bùi Thị Thanh T đến Văn phòng C Nguyễn Văn L1 yêu cầu chứng nhận Hợp đồng vay tiền, số công chứng 6324, quyền số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/12/2023. Theo đó, bà Bùi Thị Thanh T vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền là 2.100.000.000 đồng.

Sau khi tiếp nhận yêu cầu công chứng trên, Công chứng viên kiểm tra tính xác thực, tính hợp pháp giấy tờ tùy thân của chủ thể. Xem xét các chủ thể tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, năng lực pháp luật. Chủ thể không bị hạn chế, ngăn chặn giao dịch, yêu cầu công chứng Hợp đồng, giao dịch không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn L1 chứng nhận Hợp đồng vay tiền nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, các bên tham gia phải thực hiện quyền, nghĩa vụ sau khi hợp đồng có hiệu lực theo quy định của pháp luật. Do bận công việc, Văn phòng C đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Quang M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023 giữa bà Nguyễn Thị Kim L và bà Bùi Thị Thanh T, ông M yêu cầu xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Võ Hoàng Thiện P không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông P yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Ngày 25/12/2023 bà Nguyễn Thị Kim L và bà Bùi Thị Thanh T có ký Hợp đồng vay tiền, số tiền vay ghi tại hợp đồng là 2.100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, không thỏa thuận về lãi suất tại hợp đồng. Về hình thức hợp đồng, Hợp đồng được lập thành văn bản, hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự để tham gia giao kết, hợp đồng được Văn phòng Công chứng ngày 25/12/2023, số công chứng 6324, quyền số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD theo đúng quy định pháp luật nên Hợp đồng vay tài sản đã đảm bảo về mặt hình thức. Về nội dung, nguyên đơn cho rằng các bên đã ký và công chứng Hợp đồng vay tiền số 6324 ngày 25/12/2023, nhưng trên thực tế bà L chưa giao số tiền 2.100.000.000 đồng như thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ hợp đồng này. Bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng vay nhưng xác định đã giao đủ tiền cho bà T. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận khi giao tiền không lập văn bản, giấy tờ biên nhận.

Xét thấy về bản chất hợp đồng vay: Theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay. Đối với hợp đồng vay tài sản là tiền, việc giao nhận tiền là điều kiện then chốt để phát sinh quyền và nghĩa vụ thực tế của các bên. Về nghĩa vụ chứng minh: Căn cứ khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Trong trường hợp này, bị đơn xác định đã giao tiền nhưng không có bất kỳ chứng cứ nào (như biên nhận tiền, sao kê ngân hàng, người làm chứng) để xác nhận việc giao 2.100.000.000 đồng. Hợp đồng vay đã công chứng chỉ là sự thỏa thuận về mặt hình thức, việc thực hiện hợp đồng (giao tiền) phải được chứng minh bằng hành vi thực tế. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vẫn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh có việc giao nhận tiền trên thực tế. Do bị đơn không chứng minh được việc đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền, hợp đồng vay tiền số 6324 thực chất chưa được thực hiện trên thực tế. Việc duy trì một hợp đồng vay tài sản mà bên vay không nhận được tiền sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Điều 423 Bộ luật Dân sự 2015 về hủy bỏ hợp đồng thì bên

cho vay vi phạm nghĩa vụ giao tài sản vay, nguyên đơn có quyền hủy bỏ hợp đồng, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 117, 423, 427, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Quang M, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Hoàng Thiện P và Văn phòng Công chứng Nguyễn Văn L1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất trình bày: Bà Bùi Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim L có ký Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023 được Văn phòng C công chứng ngày 25/12/2023, số công chứng 6324, quyền số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD, nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền là bà Nguyễn Thị Kim L cho bà Bùi Thị Thanh T vay số tiền là 2.100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm, không lãi suất. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Xét yêu cầu của bà T yêu cầu hủy bỏ Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023. Hội đồng xét xử xét thấy: Về hình thức, Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023 giữa bà Nguyễn Thị Kim L và bà Bùi Thị Thanh T được Văn phòng C công chứng ngày 25/12/2023, số công chứng 6324, quyền số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD được thực hiện theo quy định của pháp luật. Về nội dung, Tại Điều 1 của Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023 thể hiện “Việc giao, nhận tiền vay sẽ do hai bên thực hiện và tự chịu trách nhiệm”. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Quang Minh xác Đ sau khi ký hợp đồng vay tiền bà L không có khả năng giao tiền vay cho bà T. Trong khi đó, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Hoàng Thiện P cho rằng bà L đã giao tiền vay cho bà T, tuy nhiên khi giao tiền bà L không có làm giấy tờ thể hiện việc bà L giao tiền cho bà T. Lời

trình bày của ông P không được ông M thừa nhận, bà L không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc bà L giao tiền cho bà T. Việc bà L không thực hiện giao tiền vay cho bà T là vi phạm nghĩa vụ của bên cho vay theo quy định tại Điều 465 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của bà L về việc hủy bỏ Hợp đồng vay tiền ngày 25/12/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 423 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích tại mục [2.2], ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh T là có căn cứ chấp nhận,

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí đối với yêu cầu hủy bỏ hợp đồng được chấp nhận là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 423, 463, 465 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Hủy bỏ Hợp đồng vay tiền xác lập ngày 25/12/2023 giữa bà Nguyễn Thị Kim L và bà Bùi Thị Thanh T được Văn phòng C công chứng ngày 25/12/2023, số công chứng 6324, quyển số 04/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng.

2.2. Hoàn trả cho bà Bùi Thị Thanh T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008096 ngày 17/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 4 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo